Mẫu 02 - Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -Tự do-Hạnh phúc

*……., ngày…… tháng….. năm……*

MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.........................................................................................................

2. Mã số (nếu có):................................................................................................

3. Địa chỉ:.............................................................................................................

4. Điện thoại:……………. Fax: …………………. Email:..............................................

5. Năm bắt đầu hoạt động:.....................................................................................

6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:...................................

7. Công suất thiết kế:...........................................................................................

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .................. m2, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: .............................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : ............................................. m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .................................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .................................. m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nước máy công cộng* |  | *Nước giếng khoan* |  |
| *Hệ thống xử lý:          Có* |  | *Không* |  |

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………………..

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:………………………………………………………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ……………………………… người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ………………người.

+ Lao động gián tiếp: ………………người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ….. người; trong đó ……… của cơ sở và ……… đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|  |  |  |  |  |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,…..)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐẠI DIỆN CƠ SỞ (Ký tên, đóng dấu) |